

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

QUYẾT ĐỊNH:

**QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ
Giáo dục và Đào tạo số 29/2004/
QĐ-BGD&ĐT ngày 01/9/2004
về việc ban hành Quy định
tạm thời về đánh giá, xếp loại
học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3.**

**BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC
VÀ ĐÀO TẠO**

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 85/2003/NĐ-CP ngày 18/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Chỉ thị số 43/2001/CT-TTg ngày 11/6/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông thực hiện Nghị quyết số 40/2000/QH10 của Quốc hội;

Căn cứ Quyết định số 43/2001/QĐ-BGD&ĐT ngày 09/11/2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình tiểu học;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Tiểu học,

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tạm thời về đánh giá, xếp loại học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Quyết định này được áp dụng cho học sinh các khối lớp 1, lớp 2, lớp 3 ở tất cả các loại hình trường tiểu học trong hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2004 - 2005. Quyết định này thay thế cho Quyết định số 44/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 26/9/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định tạm thời về đánh giá, xếp loại học sinh lớp 1, lớp 2. Các khối lớp 4, lớp 5 tiếp tục thực hiện theo Thông tư số 15/GD-ĐT ngày 02/8/1995 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về đánh giá và xếp loại học sinh tiểu học.

Vụ trưởng Vụ Giáo dục Tiểu học có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Các Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Tiểu học, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc các Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC
VÀ ĐÀO TẠO
Thứ trưởng

Đặng Huỳnh Mai

QUY ĐỊNH tạm thời về đánh giá, xếp loại học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3

(ban hành kèm theo Quyết định số 29/2004/QĐ-BGD&ĐT ngày 01/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định về nguyên tắc, cách đánh giá và xếp loại học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3; sử dụng kết quả đánh giá, xếp loại; trách nhiệm của nhà trường trong việc đánh giá, xếp loại học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3.

Điều 2. Nguyên tắc đánh giá, xếp loại

Việc đánh giá và xếp loại học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3 phải đảm bảo những nguyên tắc sau:

1. Góp phần thực hiện mục tiêu, nội dung chương trình và các mặt hoạt động giáo dục.
2. Kết hợp đánh giá định lượng và định tính trong xếp loại.
3. Thực hiện công khai, công bằng, khách quan, chính xác và toàn diện.
4. Coi trọng việc động viên, khuyến khích học sinh tiến bộ.
5. Phát huy tính năng động, sáng tạo, khả năng tự học, tự đánh giá của học sinh; xây dựng niềm tin, rèn luyện đạo đức theo truyền thống Việt Nam.

Chương II

CÁCH ĐÁNH GIÁ VÀ XẾP LOẠI

Mục 1. ĐÁNH GIÁ VỀ HẠNH KIỂM

Điều 3. Nội dung đánh giá

Học sinh được đánh giá về hạnh kiểm (không xếp loại) theo kết quả thực hiện bốn nhiệm vụ của học sinh tiểu học quy định trong Điều lệ trường tiểu học, cụ thể là:

1. Biết vâng lời thầy giáo, cô giáo; lễ phép trong giao tiếp hằng ngày; đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ bạn bè.
2. Đi học đều và đúng giờ; giữ trật tự khi ra vào lớp và khi ngồi học; giữ gìn sách vở và đồ dùng học tập.
3. Giữ gìn thân thể và vệ sinh cá nhân; đầu tóc, quần áo gọn gàng, sạch sẽ; ăn uống hợp vệ sinh.
4. Tham gia các hoạt động tập thể của trường, của lớp; giữ gìn, bảo vệ tài sản của trường, lớp và nơi công cộng; bước đầu biết thực hiện các quy tắc về an toàn giao thông và trật tự xã hội.

Điều 4. Cách ghi đánh giá

Học sinh thực hiện đầy đủ bốn nhiệm vụ của học sinh tiểu học được quy định tại Điều 3 của Quy định này được ghi là thực hiện đầy đủ (Đ). Học sinh chưa thực hiện đầy đủ được ghi là chưa thực hiện đầy đủ (CĐ), và ghi nhận xét cụ thể những điểm mà học sinh chưa thực hiện được vào sổ theo dõi của giáo viên để có kế hoạch khuyến khích và giúp đỡ học sinh tự tin trong rèn luyện.

Điều 5. Thời điểm đánh giá

Học sinh được đánh giá hạnh kiểm vào cuối học kỳ I và cuối năm học.

**Mục 2. ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI
VỀ HỌC LỰC**

Điều 6. Đánh giá bằng điểm số và đánh giá bằng nhận xét

1. Các môn học đánh giá bằng điểm số:
Môn Toán và môn Tiếng Việt

Các môn học này được đánh giá theo thang điểm 10, không cho điểm 0 và điểm thập phân ở các lần kiểm tra.

2. Các môn học còn lại (Tự nhiên và Xã hội, Đạo đức, Nghệ thuật, Thể dục) được đánh giá bằng nhận xét của giáo viên theo hai mức:

a) Loại Hoàn thành (A): đạt được yêu cầu cơ bản về kiến thức và kỹ năng của môn học. Những học sinh đạt loại hoàn thành nhưng có biểu hiện năng khiếu về môn học sẽ được giáo viên đánh giá là Hoàn thành tốt (A+) và ghi nhận xét cụ thể trong học bạ để nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng năng khiếu cho học sinh.

b) Loại Chưa hoàn thành (B): chưa đạt những yêu cầu theo quy định.

Điều 7. Đánh giá thường xuyên

1. Việc đánh giá thường xuyên được thực hiện ở tất cả các tiết học theo quy định của chương trình nhằm mục đích theo dõi, động viên, khuyến khích hay nhắc nhở học sinh học tập tiến bộ, đồng

thời để giáo viên điều chỉnh hoạt động giảng dạy, hoạt động giáo dục.

2. Việc đánh giá thường xuyên được tiến hành dưới các hình thức kiểm tra thường xuyên, gồm: kiểm tra miệng, quan sát học sinh học tập hoặc hoạt động, bài tập thực hành, kiểm tra viết (dưới 20 phút).

3. Số lần kiểm tra thường xuyên tối thiểu cho các môn học trong một tháng như sau:

a) Môn Tiếng Việt có 4 lần

b) Môn Toán có 2 lần

c) Các môn (phân môn) còn lại thực hiện theo quy định đánh giá bằng nhận xét (được hướng dẫn cụ thể tại Sổ theo dõi kết quả kiểm tra - đánh giá học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3).

Điều 8. Đánh giá định kỳ

1. Việc đánh giá định kỳ kết quả học tập của học sinh được tiến hành sau từng giai đoạn học. Ngoài mục đích như đánh giá thường xuyên, đánh giá định kỳ còn có mục đích quản lý quá trình học tập của học sinh.

2. Việc đánh giá định kỳ được tiến hành dưới các hình thức kiểm tra định kỳ, gồm:

a) Kiểm tra miệng, quan sát học sinh học tập hoặc hoạt động, bài tập thực hành đối với các môn đánh giá bằng nhận xét.

b) Kiểm tra viết bằng bài viết tự luận hoặc trắc nghiệm trong thời gian 1 tiết đối với các môn đánh giá bằng điểm số.

3. Số lần kiểm tra định kỳ cho các môn học như sau:

a) Môn Tiếng Việt và môn Toán mỗi năm học có 4 lần kiểm tra kiểm tra định kỳ vào giữa học kỳ I (GKI), cuối học kỳ I (CKI), giữa học kỳ II (GKII) và cuối học kỳ II (CKII). Đề kiểm tra cuối HKI và cuối HKII theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Các môn (phân môn) còn lại thực hiện theo quy định đánh giá bằng nhận xét (được hướng dẫn cụ thể tại Sổ theo dõi kết quả kiểm tra - đánh giá học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3).

c) Trường hợp học sinh không đủ số điểm kiểm tra định kỳ với bất cứ lý do gì đều được bố trí cho làm bài kiểm tra lại để có căn cứ đánh giá về học lực môn.

Điều 9. Đánh giá và xếp loại học lực về từng môn học

Học sinh được xếp loại học lực môn học kỳ I (HLM.KI), học lực môn học kỳ II (HLM.KII) và học lực môn cả năm (HLM.N) ở tất cả các môn học.

1. Đối với các môn được đánh giá bằng điểm số:

a) Xác định điểm học lực môn:

- Điểm HLM.KI là trung bình cộng của điểm KTĐK.GKI và điểm KTĐK.CKI.

- Điểm HLM.KII là trung bình cộng của điểm KTĐK.GKII và điểm KTĐK.CKII.

- Điểm HLM.N là trung bình cộng của điểm HLM.KI và điểm HLM.KII.

b) Xếp loại học lực môn:

- Loại Giỏi, điểm học lực môn đạt từ 9 đến 10.

- Loại Khá, điểm học lực môn đạt từ 7 đến dưới 9.

- Loại Trung bình, điểm học lực môn đạt từ 5 đến dưới 7.

- Loại Yếu, điểm học lực môn đạt điểm dưới 5.

2. Đối với các môn được đánh giá bằng nhận xét

- HLM.KI chính là kết quả đánh giá dựa trên các nhận xét đạt được trong học kỳ I.

- HLM.KII chính là kết quả đánh giá dựa trên các nhận xét đạt được trong cả năm.

- HLM.N chính là HLM.KII.

Điều 10. Những quy định khác

1. Mỗi lần kiểm tra định kỳ môn Tiếng Việt có 2 bài kiểm tra: Đọc, Viết. Điểm của 2 bài kiểm tra này được quy về điểm chung là trung bình cộng của 2 bài (làm tròn 0,5 thành 1).

2. Các phân môn Âm nhạc, Mỹ thuật và Thủ công được đánh giá như một môn học độc lập.

Chương III

SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI

Điều 11. Xét lên lớp

1. Những học sinh có điểm HLM.N của tất cả các môn học được đánh giá bằng

điểm số đạt từ 5 trở lên và HLM.N của các môn (phân môn) đánh giá bằng nhận xét đạt loại Hoàn thành (A) trở lên được lên lớp thẳng.

2. Những học sinh có điểm HLM.N dưới 5 theo đánh giá bằng điểm số phải thi lại; nếu đạt điểm 5 trở lên ở mỗi môn kiểm tra lại hoặc điểm trung bình cộng các môn thi lại đạt 5 trở lên (làm tròn 0,5 thành 1), trong đó không có môn dưới điểm 4 thì được lên lớp. Hiệu trưởng có trách nhiệm tổ chức cho giáo viên hướng dẫn học sinh ôn tập và kiểm tra lại nhiều lần vào thời điểm cuối năm học hoặc sau hè, trước khi Hội đồng sư phạm quyết định cho học sinh lưu ban.

Những học sinh xếp loại học lực môn cả năm loại Chưa hoàn thành (B) theo đánh giá bằng nhận xét cần được giáo viên thường xuyên giúp đỡ trong thời gian gần cuối năm học để vươn lên đạt mức học lực môn cả năm loại Hoàn thành (A).

Điều 12. Xét khen thưởng

Xét khen thưởng cho những học sinh được lên lớp thẳng theo các mức sau đây:

1. Khen thưởng danh hiệu Học sinh Giỏi cho những học sinh được nhận xét thực hiện đầy đủ bốn nhiệm vụ của học sinh và điểm HLM.N của hai môn Toán và Tiếng Việt đạt loại Giỏi, các môn (phân môn) còn lại đạt HLM.N loại Hoàn thành (A).

2. Khen thưởng danh hiệu Học sinh Tiên tiến cho những học sinh được nhận xét đầy đủ bốn nhiệm vụ của học sinh và điểm HLM.N của hai môn Toán và Tiếng Việt đạt loại Khá trở lên, các môn

(phân môn) còn lại đạt học lực môn loại Hoàn thành (A).

3. Khen thưởng thành tích từng mặt, từng môn học: đối với những học sinh chưa đạt các danh hiệu trên nhưng thực hiện tốt nhiệm vụ của học sinh, có tiến bộ trong học tập, đạt loại Hoàn thành tốt (A+) ở từng môn học đánh giá bằng nhận xét, chữ viết đẹp, có thành tích trong các hoạt động, có hành vi hoặc việc làm tốt về đạo đức.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA HIỆU TRƯỞNG, GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH TRONG ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI

Điều 13. Trách nhiệm của hiệu trưởng

1. Tổ chức, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các quy định về đánh giá, xếp loại học sinh của giáo viên phụ trách lớp.

2. Duyệt kết quả đánh giá, nhận xét, xếp loại cuối học kỳ I, cuối năm học của các lớp và chỉ đạo việc xét cho học sinh lên lớp hay kiểm tra lại. Ký tên xác nhận kết quả ở học bạ sau khi năm học kết thúc.

3. Tiếp nhận và giải quyết các ý kiến của học sinh, khiếu nại của cha mẹ hoặc người giám hộ về đánh giá, nhận xét, xếp loại theo phạm vi và quyền hạn của mình. Thời gian trả lời khiếu nại chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại.

4. Tổ chức và quản lý các hồ sơ về nhận xét, đánh giá, xếp loại học sinh.

5. Cùng tập thể sư phạm quyết định

về số học sinh tiêu biểu được lựa chọn từ số học sinh giỏi của trường, trên cơ sở xét tổng hợp nhiều mặt giáo dục, rèn luyện và các hoạt động khác.

Điều 14. Trách nhiệm của giáo viên phụ trách lớp

1. Chịu trách nhiệm chính trong việc đánh giá, xếp loại học sinh theo quy định.

2. Công bố kết quả đánh giá, xếp loại hạnh kiểm, xếp loại học lực cho học sinh, cha mẹ hoặc người giám hộ và ghi đủ vào các loại hồ sơ quản lý học sinh theo quy định; có trách nhiệm giải thích và hướng dẫn các ý kiến của học sinh về kết quả đánh giá xếp loại.

3. Hoàn thành hồ sơ về đánh giá, xếp loại học sinh, bàn giao kết quả học tập và rèn luyện của từng học sinh cho giáo viên phụ trách lớp kế tiếp.

Điều 15. Trách nhiệm và quyền lợi của học sinh

1. Thực hiện tốt các nhiệm vụ quy định trong Điều lệ trường tiểu học; tiếp thu sự giáo dục của nhà trường để luôn tiến bộ.

2. Có quyền được nêu ý kiến và nhận được sự giải thích, hướng dẫn của giáo viên phụ trách lớp, của hiệu trưởng nhà trường khi thấy mình chưa được đánh giá, nhận xét, xếp loại chính xác, công bằng./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC
VÀ ĐÀO TẠO
Thứ trưởng

Đặng Huỳnh Mai

BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 89/2004/TT-BTC **ngày 03/9/2004 hướng dẫn xử** **lý rủi ro vốn tín dụng đầu tư** **phát triển của Nhà nước.**

Thi hành Nghị định số 106/2004/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2004 của Chính phủ về tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý rủi ro vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước tại Quỹ Hỗ trợ phát triển như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đối tượng áp dụng:

1.1. Chủ đầu tư thuộc mọi thành phần kinh tế có các dự án vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước hoặc được Quỹ Hỗ trợ phát triển bảo lãnh tín dụng đầu tư (sau đây gọi chung là các dự án vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước) gặp khó khăn về tài chính và trả nợ vay do nguyên nhân khách quan bất khả kháng; giải thể, phá sản; Nhà nước điều chỉnh chính sách.

1.2. Doanh nghiệp nhà nước thuộc đối tượng chuyển đổi sở hữu, tổ chức sắp xếp lại, xử lý khó khăn về tài chính có các dự án vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước từ Quỹ hỗ trợ phát triển.

1.3. Quỹ Hỗ trợ phát triển.